

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 9 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Văn Hòa.

Ông Tạ Dương Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm H - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Ngọc B, sinh năm 1994. Căn cước công dân số: 094194011315, cấp ngày 09-8-2021. Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, Thành phố Cần Thơ. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Giang Bằng P, sinh năm 1981. Chứng minh nhân dân số: 370851538, cấp ngày 31-7-2014. Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, Thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh P tự nguyện tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Cần Thơ) ngày 01-12-2017. Sau khi kết hôn, chị B và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Thời gian chung sống, chị B và anh P có con chung tên Giang Hà M, sinh ngày 02-11-2017. Cháu M đang sống cùng với chị B. Sau khi ly hôn, chị B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị B trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Giang Bằng P:

Anh P đã được cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của chị B.

- Tại Biên bản ghi ý kiến con chung ngày 04 tháng 8 năm 2025, cháu Giang Hà M trình bày:

Cháu M đang sống cùng với mẹ; có nguyện vọng được sống cùng với mẹ.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Riêng bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B: Chị B được ly hôn với anh P. Giao con chung tên Giang Hà M, sinh ngày 02-11-2017 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị B không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung thì chị B trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; anh P không có ý kiến yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Giang Bằng P. Anh Giang Bằng P cư trú tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp Đ, xã H, Thành phố Cần Thơ). Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ.

[2] Nguyên đơn chị B và bị đơn anh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, chị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228,

Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị B, anh P tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Cần Thơ) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 145/2017, ngày 01-12-2017. Tại thời điểm kết hôn, chị B, anh P đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị B, anh P được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị B, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo chị B, sau khi kết hôn chị B và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh P không có ý kiến về mâu thuẫn gia đình, không tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị B, anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị B yêu cầu được ly hôn với anh P là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Theo Trích lục khai sinh số: 867/TLKS-BS ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Cần Thơ): Chị B và anh P có con chung tên Giang Hà M (giới tính: Nữ), sinh ngày 02-11-2017. Chị B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi, anh P không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị B. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung hiện đang sống với chị B, cuộc sống đã ổn định và có nguyện vọng được sống cùng với chị B, để đảm bảo cuộc sống con chung ổn định, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Do đó, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ chấp nhận.

[6] Tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Theo quy định này, anh P là người không trực tiếp nuôi con chung phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống với chị B. Đồng thời, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Theo quy định này, anh P là người không trực tiếp nuôi con chung phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, chị B không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Anh P không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[9] Như đã nhận định, phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Chị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc B được ly hôn với anh Giang Bằng P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Giang Hà M (giới tính: Nữ), sinh ngày 02-11-2027 cho chị Bùi Thị Ngọc B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Giang Bằng P Phi có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Bùi Thị Ngọc B không yêu cầu anh G Bằng P phải cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Ngọc B trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Anh Giang Bằng P không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số 0001459 ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ). Chị Bùi Thị Ngọc B đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ
(Phòng GDKT, TT và THA);
- UBND xã Hồ Đắc Kiện, TP Cần Thơ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt